

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ International Auditing Company Limited

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀ
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2022**

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 34

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Hữu Nam

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Tuấn

Ông Nguyễn Văn Tuấn

Ông Bùi Thị Tâm

Ông Vũ Đoàn Quân

Thường vụ

Thường vụ

Thường vụ

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ kế toán gần đây nhất là ông Nguyễn Hữu Nam - Tổng Giám đốc Công ty.

Thông tin về báo cáo tài chính giữa niên độ

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính trung gian niên độ giữa năm theo quy định của pháp luật và các quy định khác của pháp luật có liên quan, đồng thời chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của báo cáo tài chính giữa niên độ. Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập ra để cung cấp thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các chỉ tiêu khác của Công ty trong kỳ kế toán giữa niên độ. Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập ra để cung cấp thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các chỉ tiêu khác của Công ty trong kỳ kế toán giữa niên độ. Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập ra để cung cấp thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các chỉ tiêu khác của Công ty trong kỳ kế toán giữa niên độ.

Lưu ý: Các chính sách kế toán được áp dụng

Quản lý các tài sản và nợ phải trả

Hầu hết các nguyên tắc kế toán được áp dụng

Việc yêu cầu được công bố thông tin

Lưu ý: Các tài sản và nợ phải trả

Việc yêu cầu được công bố thông tin

Việc yêu cầu được công bố thông tin

Việc yêu cầu được công bố thông tin

Việc yêu cầu được công bố thông tin

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hoàng Hà (gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lưu Huy Hà	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Hữu Hoan	Phó Chủ tịch
Ông Lưu Tuấn Anh	Thành viên
Ông Đinh Văn Thọ	Thành viên
Ông Lưu Minh Sơn	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Hữu Hoan	Tổng Giám đốc
Ông Đinh Văn Thọ	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thu Hương	Trưởng ban
Bà Bùi Thị Tâm	Thành viên
Ông Vũ Doãn Quân	Thành viên

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Lưu Huy Hà - Chủ tịch Hội đồng Quản trị và ông Nguyễn Hữu Hoan - Tổng Giám đốc Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Trong việc lập các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Hữu Hoan
Tổng Giám đốc

Thái Bình, ngày 18 tháng 08 năm 2022

Số: 081801/2022/BCSX-iCPA

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Hoàng Hà

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022 kèm theo của Công ty Cổ phần Hoàng Hà (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 18 tháng 08 năm 2022, từ trang 6 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do Kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số II phần Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022 được lập trên giả định Công ty hoạt động liên tục. Trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, tổng công nợ ngắn hạn đã vượt tổng tài sản ngắn hạn, lỗ lũy kế của Công ty đến ngày 30/06/2022 là 162.113.410.424 đồng. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Ban Tổng Giám đốc đã xây dựng phương án kinh doanh để đảm bảo khả năng thanh toán của Công ty trong thời gian ít nhất một năm tới.

Kết luận của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề cần nhấn mạnh nêu trên.



Trần Thiện Thanh
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1932-2018-072-1
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế
Hà Nội, ngày 18 tháng 08 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022


Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		35.044.577.014	13.054.647.664
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	1.694.992.288	1.025.154.083
1. Tiền	111		1.694.992.288	1.025.154.083
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.190.000.000	1.190.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	1.190.000.000	1.190.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		26.259.900.691	7.251.850.384
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	10.224.719.640	6.311.274.963
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	15.830.235.600	158.691.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	204.945.451	781.884.421
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	5.467.450.485	3.179.579.900
1. Hàng tồn kho	141		5.467.450.485	3.179.579.900
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		432.233.550	408.063.297
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6a	427.173.077	403.002.824
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.8a	5.060.473	5.060.473
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		279.568.079.327	306.129.217.212
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		523.447.986	584.015.445
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	523.447.986	584.015.445
II. Tài sản cố định	220		232.028.894.456	253.577.007.938
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	223.603.529.388	235.614.225.486
- Nguyên giá	222		441.750.314.220	428.533.299.040
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(218.146.784.832)	(192.919.073.554)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	8.356.952.169	17.885.569.551
- Nguyên giá	225		36.642.787.025	65.708.762.941
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(28.285.834.856)	(47.823.193.390)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	68.412.899	77.212.901
- Nguyên giá	228		163.000.000	163.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(94.587.101)	(85.787.099)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		10.205.053.476	10.205.053.476
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	10.205.053.476	10.205.053.476
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		29.248.558.859	29.491.783.850
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.13	30.000.000.000	30.000.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.13	(751.441.141)	(508.216.150)
V. Tài sản dài hạn khác	260		7.562.124.550	12.271.356.503
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6b	7.562.124.550	12.271.356.503
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		314.612.656.341	319.183.864.876


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		121.557.984.058	98.666.228.037
I. Nợ ngắn hạn	310		110.321.741.172	72.900.386.969
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	5.103.047.337	3.613.472.178
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	100.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.8b	2.682.326.046	1.855.098.713
4. Phải trả người lao động	314		5.593.323.520	483.997.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	69.918.407	106.171.045
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.16	865.970.918	740.842.620
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17a	5.293.023.067	5.182.519.230
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18	90.714.131.877	60.818.286.183
II. Nợ dài hạn	330		11.236.242.886	25.765.841.068
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.17b	42.471.000	42.471.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19	11.193.771.886	25.723.370.068
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		193.054.672.283	220.517.636.839
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.20	193.054.672.283	220.517.636.839
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		348.963.540.000	348.963.540.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		348.963.540.000	348.963.540.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		932.107.220	932.107.220
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		5.272.435.487	5.272.435.487
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(162.113.410.424)	(134.650.445.868)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(134.650.445.868)	(66.097.123.183)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(27.462.964.556)	(68.553.322.685)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		314.612.656.341	319.183.864.876


Nghiêm Thị Hiếu
Người lập

Thái Bình, ngày 18 tháng 08 năm 2022


Phạm Thị Loan
Kế toán trưởng





Nguyễn Hữu Hoan
Tổng Giám đốc


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		56.119.831.000	52.364.577.835
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	56.119.831.000	52.364.577.835
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	70.279.678.206	64.463.974.832
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(14.159.847.206)	(12.099.396.997)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		29.610.188	11.941.440
7. Chi phí tài chính	22	VI.3	3.894.564.240	5.335.950.780
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.651.339.249	4.865.653.624
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.4	7.159.820.198	8.875.374.339
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(25.184.621.456)	(26.298.780.676)
10. Thu nhập khác	31		50.926.387	21.116
11. Chi phí khác	32	VI.5	2.329.269.487	3.214.172.004
12. Lợi nhuận khác	40		(2.278.343.100)	(3.214.150.888)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(27.462.964.556)	(29.512.931.564)
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.6	-	-
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(27.462.964.556)	(29.512.931.564)
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	-	-
18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.7	-	-


Nghiêm Thị Hiếu
Người lập

Thái Bình, ngày 18 tháng 08 năm 2022


Phạm Thị Loan
Kế toán trưởng


Nguyễn Hữu Hoan
Tổng Giám đốc



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(27.462.964.556)	(29.512.931.564)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	15.516.359.043	17.320.049.964
Các khoản dự phòng	03	243.224.991	470.282.115
(Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(78.664)	15.041
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	1.532.928.080	3.185.306.793
Chi phí lãi vay	06	3.651.339.249	4.865.653.624
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	08	(6.519.191.857)	(3.671.624.027)
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(18.918.567.478)	17.791.751.521
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(2.287.870.585)	(5.977.758.531)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	7.532.636.435	3.501.214.673
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	4.685.061.700	8.474.546.032
Tiền lãi vay đã trả	14	(3.658.467.175)	(4.554.519.305)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	(295.061.423)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	20	(19.166.398.960)	15.268.548.940
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(63.449.273)	(118.881.000)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	4.532.744.108	2.025.454.543
3. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	-	(1.190.000.000)
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	-	20.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	616.154	13.934.551
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	4.469.910.989	20.730.508.094
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	43.089.047.564	32.922.701.766
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(18.598.169.311)	(65.065.485.739)
3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(9.124.630.741)	(6.258.939.999)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	15.366.247.512	(38.401.723.972)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	669.759.541	(2.402.666.938)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	1.025.154.083	6.231.425.758
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		78.664	(15.041)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	1.694.992.288	3.828.743.779

Nghiêm Thị Hiếu
Người lập

Thái Bình, ngày 18 tháng 08 năm 2022

Phạm Thị Loan
Kế toán trưởng

Nguyễn Hữu Hoan
Tổng Giám đốc



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC riêng giữa niên độ kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hoàng Hà (gọi tắt là "Công ty") là Công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1000272301 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp ngày 25 tháng 09 năm 2001. Hiện tại, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 15 cấp ngày 30 tháng 07 năm 2020.

Vốn điều lệ là 348.963.540.000 đồng (Ba trăm bốn mươi tám tỷ, chín trăm sáu mươi ba triệu, năm trăm bốn mươi nghìn đồng).

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán HHG. Ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu HHG là ngày 28/07/2010.

2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định và theo hợp đồng;
- Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt, xe taxi;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe tải liên tỉnh và nội tỉnh;
- Kinh doanh ô tô, xăng dầu;
- Bảo dưỡng và sửa chữa xe có động cơ;
- Kinh doanh dịch vụ quảng cáo;
- Kinh doanh dịch vụ chuyển phát; và
- Cho thuê văn phòng và cho thuê nhà.

3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

4. Cấu trúc doanh nghiệp

Trụ sở chính của Công ty tại Số nhà 368 phố Lý Bôn, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

Thông tin chi tiết về công ty con của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2022 như sau:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Ngành nghề kinh doanh chính
Công ty TNHH MTV Bến xe khách phía Tây Thái Bình	Thái Bình	100%	100%	Dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ

5. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021 đã được soát xét.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC riêng giữa niên độ kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

6. Nhân viên

Tổng số lao động của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2022 là 227 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 230 người).

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty đã được lập dựa trên cơ sở hoạt động liên tục, với giả định rằng Công ty sẽ có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.

Tại ngày 30/06/2022, tổng công nợ ngắn hạn đã vượt tổng tài sản ngắn hạn với số tiền 75.277.164.158 đồng, lũy kế của Công ty đến ngày 30/06/2022 là 162.113.410.424 đồng. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Theo đó, khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào việc gia hạn thanh toán các khoản phải trả nhà cung cấp và bổ sung vốn lưu động bằng cách phát hành thêm cổ phiếu tăng vốn điều lệ.

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã và đang thường xuyên đánh giá ảnh hưởng và quyết liệt triển khai các kế hoạch để Công ty có thể duy trì tối đa khả năng hoạt động liên tục. Các giải pháp đã và đang thực hiện bao gồm:

- Dự án Bến xe khách phía Tây thành phố Thái Bình hiện tại đã hoàn thành xong giai đoạn giải phóng mặt bằng. Công ty sẽ tập trung nguồn lực để đầu tư, xây dựng Bến xe khách phía Tây thành phố Thái Bình theo tiêu chuẩn bến xe khách loại I thành phố Thái Bình. Dự án này hoàn thành sẽ đảm bảo mang lại nguồn thu đáng kể cho Công ty.
- Trong thời gian tới, Công ty có kế hoạch chào bán cổ phiếu riêng lẻ tăng vốn điều lệ. Tổng giá trị dự kiến chào bán của Công ty là 120.000.000.000 đồng. Việc huy động này sẽ góp phần bổ sung thêm nguồn vốn lưu động, giúp Công ty trang trải các khoản nợ đến hạn thanh toán và có nguồn vốn triển khai Dự án Bến xe khách phía Tây thành phố Thái Bình.
- Đẩy nhanh tiến độ triển khai dự án Khu đô thị Vũ Phúc Riverside, tăng cường công tác tiếp thị, giới thiệu các sản phẩm, mở rộng thị trường mua bán xe ô tô và thị trường bất động sản. Đây là hướng đi mới rất khả quan và mang lại nhiều lợi nhuận cho Công ty.
- Công ty đang tăng cường, điều chỉnh công tác quản lý cho phù hợp như: mở rộng việc khoán doanh thu cho các bộ phận, phòng ban trực tiếp tham gia sản xuất nhằm tăng năng suất lao động và hiệu quả kinh doanh, cải thiện đời sống người lao động và tăng tính cạnh tranh trên thị trường.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC riêng giữa niên độ kèm theo

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỶ KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Giả định hoạt động liên tục (Tiếp theo)

- Bên cạnh đó, Công ty cũng đang tìm kiếm các khoản thu khác như thanh lý một số xe ô tô cũ, không thích hợp sử dụng. Trong kỳ, Công ty đã thực hiện thanh lý một số phương tiện vận tải và thu được toàn bộ số tiền là 4.532.744.108 đồng. Qua đó, có nguồn tài chính để trang trải, đầu tư đổi mới phương tiện vận tải xe khách, nhằm nâng cao năng suất và chất lượng, dịch vụ.
- Công ty thực hiện các biện pháp cắt giảm chi phí quản lý, chi phí gián tiếp,... Cụ thể, Công ty đã xây dựng quy định về sử dụng điện tại cơ quan nhằm hướng dẫn cán bộ công nhân viên có ý thức, trách nhiệm tiết kiệm điện. Thường xuyên kiểm tra công tác tiết kiệm điện trong cơ quan.
- Công ty đã và đang tiếp tục đàm phán, hoãn tiến độ thanh toán với một số nhà cung cấp, tận dụng tối đa sự chia sẻ và hỗ trợ của các đối tác để duy trì hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá một cách thận trọng kế hoạch kinh doanh và kế hoạch dòng tiền, cũng như cân đối nguồn tiền để thanh toán các khoản công nợ và nghĩa vụ tài chính đến hạn. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được lập trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo này được lập cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC riêng giữa niên độ kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc sau khi loại trừ đi các tổn thất theo quy định hiện hành.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Doanh nghiệp so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC riêng giữa niên độ kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	04 - 50
Máy móc thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải	05 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	04 - 10

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty là bên đi thuê

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

	<u>Năm khấu hao</u>
Phương tiện vận tải	03 - 10

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC riêng giữa niên độ kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định vô hình của Công ty như sau:

	<u>Năm khấu hao</u>
Hệ điều hành taxi và phần mềm chuyển phát nhanh	05
Phần mềm taxi	05

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các khoản chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn, chi phí đại tu, thay thế, đóng mới vỏ xe, chi phí mua bảo hiểm...

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả là các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC riêng giữa niên độ kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)

- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- (d) Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC riêng giữa niên độ kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Thuế (Tiếp theo)**

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không qui định tỷ giá thanh toán:
 - Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
 - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC riêng giữa niên độ kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ngoại tệ (Tiếp theo)

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Tiền mặt	1.560.986.724	302.488.451
Tiền gửi ngân hàng	134.005.564	722.665.632
Cộng	1.694.992.288	1.025.154.083

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	1.190.000.000	1.190.000.000
Cộng	1.190.000.000	1.190.000.000

(*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn 18 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình với tổng số tiền gửi là 1.190.000.000 đồng. Lãi suất là 4,9%/năm. Khoản tiền gửi này đáo hạn tại ngày 23/12/2022.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Công ty Cổ phần Đầu tư XNK Thăng Long	7.400.703.000	3.387.937.000
Công ty Cổ phần Đầu tư XNK Kim Long	982.441.200	984.922.200
Khách hàng khác	1.841.575.440	1.938.415.763
Cộng	10.224.719.640	6.311.274.963

b) Phải thu các bên liên quan

Trong đó khách hàng là các bên liên quan (xem chi tiết tại thuyết minh VII.1)	1.366.655.413	1.219.561.413
---	---------------	---------------

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC riêng giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Công ty TNHH Kinh doanh thương mại tổng hợp Nam Bình	5.500.000.000	-
Công ty TNHH Xây dựng và Đầu tư Thương mại Tuấn Đạt	5.100.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Bình Yên	4.600.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	630.235.600	158.691.000
Cộng	15.830.235.600	158.691.000

5. Phải thu khác

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
a) Ngắn hạn		
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	7.000.000	7.000.000
Tiền thuế GTGT phải thu hoạt động thuê tài chính	68.986.498	744.211.763
Phải thu khác	128.958.953	30.672.658
Cộng	204.945.451	781.884.421
b) Dài hạn		
Ký cược, ký quỹ dài hạn	523.447.986	584.015.445
Cộng	523.447.986	584.015.445

6. Chi phí trả trước

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí bảo hiểm, phí đăng kiểm xe	398.310.063	391.665.877
Chi phí trả trước khác	28.863.014	11.336.947
Cộng	427.173.077	403.002.824
b) Dài hạn		
Chi phí sửa chữa chờ phân bổ	6.335.842.379	9.954.250.193
Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.206.780.435	2.106.378.270
Chi phí đại tu, thay thế, đóng mới vỏ xe	-	186.410.404
Chi phí trả trước khác	19.501.736	24.317.636
Cộng	7.562.124.550	12.271.356.503

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC riêng giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

7. Hàng tồn kho

Nguyên liệu, vật liệu
Cộng

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
	5.467.450.485	-	3.179.579.900	-
	5.467.450.485	-	3.179.579.900	-

8. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

a) Các khoản phải thu
Thuế môn bài
Thuế, phí, lệ phí khác
Cộng

	Số cuối kỳ		Số phải nộp trong kỳ		Số thực nộp/bù trừ trong kỳ		Số đầu kỳ	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
	5.000.000	4.000.000	4.000.000	4.000.000	5.000.000	60.473	60.473	5.000.000
	5.060.473	4.000.000	4.000.000	4.000.000	5.060.473			

b) Các khoản phải trả
Thuế giá trị gia tăng
Thuế thu nhập doanh nghiệp
Thuế thu nhập cá nhân
Thuế nhà đất, tiền thuế đất
Thuế, phí, lệ phí khác
Cộng

	Số cuối kỳ		Số phải nộp trong kỳ		Số thực nộp/bù trừ trong kỳ		Số đầu kỳ	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
	1.923.445.079	5.071.993.040	4.564.449.462	1.415.901.501	146.854.576	4.880.519	173.503.180	113.958.937
	146.854.576	-	-	-	-	-	-	-
	4.880.519	-	-	-	-	-	-	-
	394.942.072	221.438.892	98.244.863	113.958.937	113.958.937	-	-	-
	212.203.800	5.391.676.795	4.564.449.462	1.855.098.713	1.855.098.713	-	-	-
	2.682.326.046	5.391.676.795	4.564.449.462	1.855.098.713	1.855.098.713			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC riêng giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

9. Tài sản cố định hữu hình

NGUYÊN GIÁ	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	221.549.736.357	28.063.866.344	134.857.471.013	44.062.225.326	428.533.299.040
Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	-	29.129.425.189	-	29.129.425.189
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(15.912.410.009)	-	(15.912.410.009)
Số dư cuối kỳ	221.549.736.357	28.063.866.344	148.074.486.193	44.062.225.326	441.750.314.220
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu kỳ	53.572.852.263	24.962.593.241	96.852.418.030	17.531.210.020	192.919.073.554
Khấu hao trong kỳ	4.158.557.160	1.068.192.553	4.391.229.182	2.919.806.502	12.537.785.397
Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	-	22.507.132.178	-	22.507.132.178
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(9.817.206.297)	-	(9.817.206.297)
Số dư cuối kỳ	57.731.409.423	26.030.785.794	113.933.573.093	20.451.016.522	218.146.784.832
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số dư đầu kỳ	167.976.884.094	3.101.273.103	38.005.052.983	26.531.015.306	235.614.225.486
Số dư cuối kỳ	163.818.326.934	2.033.080.550	34.140.913.100	23.611.208.804	223.603.529.388

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 30 tháng 06 năm 2022 là 42.491.946.277 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 55.872.865.668 đồng).

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình hết khấu hao vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 06 năm 2022 là 91.777.874.694 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 61.625.774.825 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC riêng giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

10. Tài sản cố định thuê tài chính

	Phương tiện vận tải VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu kỳ	65.708.762.941	65.708.762.941
Mua lại TSCĐ thuê tài chính	(29.065.975.916)	(29.065.975.916)
Số dư cuối kỳ	<u>36.642.787.025</u>	<u>36.642.787.025</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư đầu kỳ	47.823.193.390	47.823.193.390
Khấu hao trong kỳ	2.969.773.644	2.969.773.644
Mua lại TSCĐ thuê tài chính	(22.507.132.178)	(22.507.132.178)
Số dư cuối kỳ	<u>28.285.834.856</u>	<u>28.285.834.856</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Số dư đầu kỳ	17.885.569.551	17.885.569.551
Số dư cuối kỳ	<u>8.356.952.169</u>	<u>8.356.952.169</u>

11. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu kỳ	163.000.000	163.000.000
Số dư cuối kỳ	<u>163.000.000</u>	<u>163.000.000</u>
HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư đầu kỳ	85.787.099	85.787.099
Khấu hao trong kỳ	8.800.002	8.800.002
Số dư cuối kỳ	<u>94.587.101</u>	<u>94.587.101</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Số dư đầu kỳ	77.212.901	77.212.901
Số dư cuối kỳ	<u>68.412.899</u>	<u>68.412.899</u>

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình hết khấu hao vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 06 năm 2022 là 75.000.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 75.000.000 đồng).

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Dự án Bến xe khách phía Tây Thái Bình	10.205.053.476	10.205.053.476
Cộng	<u>10.205.053.476</u>	<u>10.205.053.476</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC riêng giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Tiếp theo)

Dự án Bến xe khách phía Tây thành phố Thái Bình được thực hiện theo Hợp đồng BOO số 03/HĐ - BOO ngày 12 tháng 02 năm 2018 ký giữa Sở giao thông vận tải Thái Bình và Công ty Cổ phần Hoàng Hà. Quy mô diện tích của dự án là 47.683 m². Thời gian chuẩn bị và xây dựng công trình theo hợp đồng là từ năm 2018 đến năm 2019. Thời gian quản lý và khai thác là 50 năm. Tổng vốn đầu tư tạm tính của dự án là 118.983.000.000 đồng. Hiện tại, dự án đã hoàn thiện xong quá trình giải phóng mặt bằng.

13. Đầu tư vào Công ty con

	Tỷ lệ biểu quyết	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
	100%	30.000.000.000	(751.441.141)	30.000.000.000	(508.216.150)
Công ty TNHH MTV Bến xe khách phía Tây Thái Bình		30.000.000.000	(751.441.141)	30.000.000.000	(508.216.150)
Cộng		30.000.000.000	(751.441.141)	30.000.000.000	(508.216.150)

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Dịch vụ Vận tải Ngọc Mai	2.940.880.580	2.940.880.580	-	-
Công ty Cổ phần Thương mại Thái Bình Xanh	666.570.171	666.570.171	1.595.141.754	1.595.141.754
Phải trả cho các đối tượng khác	1.495.596.586	1.495.596.586	2.018.330.424	2.018.330.424
Cộng	5.103.047.337	5.103.047.337	3.613.472.178	3.613.472.178
b) Phải trả người bán là các bên liên quan (xem chi tiết tại thuyết minh VII.1)	666.570.171	666.570.171	1.724.347.754	1.724.347.754

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC riêng giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Trích trước chi phí lãi vay	69.918.407	106.171.045
Cộng	69.918.407	106.171.045

16. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Nhận trước tiền thuê mặt bằng	865.970.918	740.842.620
Cộng	865.970.918	740.842.620

17. Phải trả khác

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
a) Phải trả ngắn hạn khác		
Kinh phí công đoàn	116.510.160	116.510.160
Bảo hiểm xã hội	1.004.379.950	925.098.305
Bảo hiểm y tế	15.170.830	16.657.225
Bảo hiểm thất nghiệp	3.326.288	3.742.413
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	21.000.000	21.000.000
Công ty TNHH MTV Bến xe khách phía Tây Thái Bình (*)	4.069.493.880	4.050.626.702
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	63.141.959	48.884.425
Cộng	5.293.023.067	5.182.519.230
Phải trả ngắn hạn khác bên liên quan (xem thuyết minh VII.1)	4.079.751.414	4.050.626.702
b) Phải trả dài hạn khác		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	42.471.000	42.471.000
Cộng	42.471.000	42.471.000

- (*) Các khoản phải trả về lãi vay, các khoản chi hộ của Công ty TNHH MTV Bến xe khách phía Tây Thái Bình cho Công ty Cổ phần Hoàng Hà về tiền bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng Dự án Bến xe khách phía Tây thành phố Thái Bình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC riêng giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

18. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Phát sinh		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn Ngân hàng	36.956.697.932	36.956.697.932	14.389.047.564	17.753.826.480	40.321.476.848	40.321.476.848
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	17.166.190.553	17.166.190.553	8.795.475.008	11.170.543.474	19.541.259.019	19.541.259.019
- Chi nhánh Thái Bình (i)						
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình (ii)	19.790.507.379	19.790.507.379	5.593.572.556	6.583.283.006	20.780.217.829	20.780.217.829
Vay cá nhân, tổ chức	28.700.000.000	28.700.000.000	28.700.000.000	-	-	-
Công ty TNHH Một thành viên Bến xe khách phía Tây Thái Bình (iii)	25.000.000.000	25.000.000.000	25.000.000.000	-	-	-
Ông Lưu Tuấn Anh (iv)	3.700.000.000	3.700.000.000	3.700.000.000	-	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả (Chi tiết tại thuyết minh Vay và nợ dài hạn)	24.173.918.123	24.173.918.123			10.881.642.000	10.881.642.000
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả (Chi tiết tại thuyết minh Vay và nợ dài hạn)	883.515.822	883.515.822			9.615.167.335	9.615.167.335
Cộng	90.714.131.877	90.714.131.877			60.818.286.183	60.818.286.183

- (i) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình theo hợp đồng hạn mức tín dụng hạn mức số 01/2021/416446/HĐTD ngày 08 tháng 07 năm 2021. Ngân hàng cấp cho Công ty hạn mức tín dụng thường xuyên với số tiền tối đa là 23.000.000.000 đồng (trong đó đã bao gồm dư nợ từ hợp đồng số 01/2019/416446 ngày 05/08/2019 chuyển sang). Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động. Thời hạn cấp hạn mức đến ngày 30/06/2022 kể từ ngày ký hợp đồng. Thời hạn cho vay, lãi suất được xác định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Tài sản đảm bảo quy định cụ thể tại các Hợp đồng thế chấp.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 02100/HĐTD/22/00030-VCB ngày 10 tháng 05 năm 2022 với hạn mức cho vay là 20.780.217.829 đồng. Thời gian duy trì hạn mức cho vay là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng với lãi suất theo thông báo của Ngân hàng. Thời hạn cho vay là 06 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay. Mục đích vay vốn để tài trợ cho các nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động kinh doanh vận tải, thương mại, sửa chữa ô tô nhưng không bao gồm nhu cầu ngắn hạn phục vụ cho các hoạt động đầu tư tài sản cố định. Tài sản bảo đảm là tài sản gắn liền với đất là công trình văn phòng Công ty - Bến xe phía Tây tại Bến xe Hoàng Hà, số 368, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình và công trình nhà chờ tại bến xe khách Hoàng Hà.
- (iii) Khoản vay Công ty TNHH Một thành viên Bến xe khách phía Tây Thái Bình theo Hợp đồng vay tiền số HĐVT01/2022 ngày 15/01/2022. Tổng số tiền vay là 25.000.000.000 đồng. Mục đích vay để phục vụ mục đích kinh doanh của Công ty. Thời hạn vay trong vòng 12 tháng. Lãi suất vay không kỳ hạn là 0,2%/năm. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC riêng giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

18. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn (Tiếp theo)

(iv) Khoản vay ông Lưu Tuấn Anh theo Hợp đồng vay tiền số 1506HH/2022 ngày 15/06/2022. Tổng số tiền vay là 5.000.000.000 đồng. Mục đích vay để phục vụ mục đích kinh doanh của Công ty. Thời hạn vay trong vòng 03 tháng. Lãi suất vay là 9%/năm. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

19. Vay và nợ thuế tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ		Phát sinh		Số đầu kỳ
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị
Các khoản vay dài hạn của Công ty	35.292.856.164	35.292.856.164		844.342.831	36.137.198.995
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình (i)	15.084.933.000	15.084.933.000	-	-	15.084.933.000
Ngân hàng TMCP Quân đội (ii)	18.400.496.164	18.400.496.164	-	607.087.831	19.007.583.995
Ngân hàng TMCP Quốc Dân - CN Thái Bình (iii)	1.807.427.000	1.807.427.000	-	237.255.000	2.044.682.000
Các khoản nợ thuế tài chính dài hạn	958.349.667	958.349.667	-	9.124.630.741	10.082.980.408
Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (iv)	561.178.786	561.178.786	-	5.039.983.464	5.601.162.250
Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng Á Châu - Chi nhánh Hà Nội (v)	397.170.881	397.170.881	-	4.084.647.277	4.481.818.158
Trừ: Các khoản vay dài hạn đến hạn trả	24.173.918.123	24.173.918.123			10.881.642.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình	8.400.000.000	8.400.000.000			4.200.000.000
Ngân hàng TMCP Quân đội	14.846.473.123	14.846.473.123			5.896.548.000
Ngân hàng TMCP Quốc Dân - CN Thái Bình	927.445.000	927.445.000			785.094.000
Trừ: Nợ thuế tài chính dài hạn đến hạn trả	883.515.822	883.515.822			9.615.167.335
Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng Công thương Việt Nam	486.344.941	486.344.941			5.133.349.170
Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng Á Châu - Chi nhánh Hà Nội	397.170.881	397.170.881			4.481.818.165
Cộng	11.193.771.886	11.193.771.886		25.723.370.068	25.723.370.068

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC riêng giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

19. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (Tiếp theo)

- (i) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 021/050/09/0000288/VCB-TB tháng 06 năm 2009 giữa Công ty CP Hoàng Hà và Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình. Hạn mức tín dụng 50.000.000.000 đồng để thanh toán cho các chi phí hợp lý, hợp lệ của dự án đầu tư công trình văn phòng - Bến xe khách Công ty CP Hoàng Hà (không bao gồm lãi vay). Thời hạn vay vốn là 144 tháng, trong đó thời gian ân hạn là 24 tháng kể từ ngày bên vay rút vốn lần đầu tiên. Lãi suất vay vốn được quy định theo thông báo của ngân hàng tại từng thời điểm rút vốn. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có của Dự án đầu tư công trình Văn phòng - Bến xe khách Công ty CP Hoàng Hà đang được thế chấp tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam.

- (ii) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Quân Đội theo các hợp đồng tín dụng sau:

Hợp đồng cấp tín dụng số 14472.16.755.2376838.TD ngày 18 tháng 05 năm 2016 giữa Công ty Cổ phần Hoàng Hà và Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thái Bình. Khoản vay có hạn mức tín dụng là 50.000.000.000 đồng để đầu tư mua sắm ô tô mới nguyên chiếc phục vụ hoạt động kinh doanh vận tải hành khách. Thời hạn vay vốn tối đa là 84 tháng, lãi suất vay vốn được quy định tại từng khế ước nhận nợ tại thời điểm. Các khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

Hợp đồng tín dụng số 89826.17.755.2376838.TD ngày 30 tháng 03 năm 2017 với Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Thái Bình. Hạn mức tín dụng là 17.600.000.000 đồng để thanh toán tiền mua 20 xe ô tô chở khách 29 chỗ theo hợp đồng mua bán xe số CV15VSA1215106/AH ngày 17 tháng 12 năm 2015 và phụ lục 05 ngày 13 tháng 02 năm 2017 ký giữa Công ty CP Hoàng Hà và Công ty TNHH Ô tô Ngôi sao Việt Nam (Giai đoạn 2 - năm 2017); Thời hạn vay 72 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên trên khế ước nhận nợ; lãi suất được quy định tại từng thời điểm nhận nợ; Tài sản đảm bảo là 20 xe ô tô 29 chỗ Fuso Rosa thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Hoàng Hà.

- (iii) Vay dài hạn ngân hàng TMCP Quốc Dân - Chi nhánh Thái Bình theo Hợp đồng cho vay số 277/2019/HĐCV-9222 ngày 12 tháng 12 năm 2019. Số tiền cho vay là 2.884.000.000 đồng. Thời hạn vay 60 tháng. Thời hạn giải ngân tối đa 60 ngày kể từ ngày 12/12/2019. Mục đích vay để mua xe ô tô Lexus theo Hợp đồng mua bán xe ô tô trả góp số 190834/HĐMB ngày 09/12/2019 giữa Công ty Cổ phần Lexus Thăng Long và Công ty. Lãi suất được quy định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo là xe ô tô, phương tiện vận tải hình thành trong tương lai thuộc quyền sở hữu của Công ty bao gồm các thông tin: nhãn hiệu Lexus, số loại RX350, biển số 17A - 163.78, số khung JTJBZMCA402046782. Tài sản đảm bảo được định giá là 4.100.000.000 đồng.

- (iv) Khoản nợ thuê tài chính Công ty Cổ phần Hoàng Hà với Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam theo các hợp đồng:

Hợp đồng cho thuê tài chính (hợp đồng không hủy ngang) số 01.046/2015/TSC-CTTC ngày 06/08/2015 giữa Công ty Cổ phần Hoàng Hà và Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam; Giá trị cho thuê tạm tính là: 3.870.700.000 đồng (giá bao gồm VAT), Thời hạn cho thuê trong 72 tháng, lãi suất 8,5%/năm trong 06 tháng đầu kể từ ngày ký hợp đồng, sau 06 tháng lãi suất được tính theo quy định của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, tài sản cho thuê là 05 xe ô tô Toyota Innova 2.0E mới 100%, lắp ráp tại Việt Nam, sản xuất năm 2015. Số nợ thuê tài chính của hợp đồng này tại ngày 30 tháng 06 năm 2022 là 184.542.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC riêng giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

19. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (Tiếp theo)

Hợp đồng cho thuê tài chính (hợp đồng không hủy ngang) số 01.105/2017/TSC-CTTC ngày 04/12/2017 giữa Công ty Cổ phần Hoàng Hà và Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam; Giá trị cho thuê tạm tính là: 5.643.900.000 đồng (giá bao gồm VAT), Thời hạn cho thuê trong 72 tháng, lãi suất 8,5%/năm trong 06 tháng đầu kể từ ngày ký hợp đồng, sau 06 tháng lãi suất được tính theo quy định của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, tài sản cho thuê là 05 xe ô tô Fuso đỏ. Số nợ thuê tài chính của hợp đồng này tại ngày 30 tháng 06 năm 2022 là 376.636.786 đồng.

- (v) Khoản nợ thuê tài chính của Công ty Cổ phần Hoàng Hà và Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng Á Châu (ACB leasing) theo các hợp đồng sau:

Hợp đồng cho thuê tài chính số 11.09.13/HĐCTTC-HH2 ngày 13 tháng 03 năm 2014, thuê xe ô tô phục vụ hoạt động kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, thời hạn cho thuê 84 tháng, lãi suất được tính theo quy định của ACB leasing tại từng thời điểm do ACB leasing thông báo. Số nợ thuê tài chính của hợp đồng này tại ngày 30 tháng 06 năm 2022 là: 119.685.867 đồng.

Hợp đồng cho thuê tài chính số 02.02.16/HĐCTTC-HH ngày 27 tháng 02 năm 2016, thuê xe ô tô phục vụ hoạt động kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, thời hạn cho thuê 60 tháng, lãi suất được tính theo quy định của ACB leasing tại từng thời điểm do ACB leasing thông báo. Số nợ thuê tài chính của hợp đồng này tại ngày 30 tháng 06 năm 2022 là: 66.305.323 đồng.

Hợp đồng cho thuê tài chính số 01.12.16/HĐCTTC-HH ngày 07 tháng 12 năm 2016, thuê xe ô tô phục vụ hoạt động kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, thời hạn cho thuê 60 tháng, lãi suất được tính theo quy định của ACB leasing tại từng thời điểm do ACB leasing thông báo. Số nợ thuê tài chính của hợp đồng này tại ngày 30 tháng 06 năm 2022 là: 211.179.691 đồng.

Các khoản nợ dài hạn do thuê tài chính được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Các khoản phải trả do thuê tài chính:		
Trong vòng một năm	883.515.822	9.615.167.335
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	74.833.845	467.813.073
Giá trị hiện tại của các khoản thuê tài chính phải trả	958.349.667	10.082.980.408
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	883.515.822	9.615.167.335
Số phải trả sau 12 tháng	74.833.845	467.813.073

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Các khoản phải trả do vay dài hạn:		
Trong vòng một năm	24.173.918.123	10.881.642.000
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	11.118.938.041	25.255.556.995
Giá trị hiện tại của các khoản thuê tài chính phải trả	35.292.856.164	36.137.198.995
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	24.173.918.123	10.881.642.000
Số phải trả sau 12 tháng	11.118.938.041	25.255.556.995

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC riêng giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

20. Vốn chủ sở hữu

a. Biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm trước	348.963.540.000	932.107.220	5.272.435.487	(66.097.123.183)	289.070.959.524
Lỗ trong năm	-	-	-	(68.553.322.685)	(68.553.322.685)
Số dư đầu kỳ này	348.963.540.000	932.107.220	5.272.435.487	(134.650.445.868)	220.517.636.839
Lỗ trong kỳ	-	-	-	(27.462.964.556)	(27.462.964.556)
Số dư cuối kỳ này	348.963.540.000	932.107.220	5.272.435.487	(162.113.410.424)	193.054.672.283

b. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ Cổ phiếu	Số đầu kỳ Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	34.896.354	34.896.354
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	34.896.354	34.896.354
- Cổ phiếu phổ thông	34.896.354	34.896.354
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	34.896.354	34.896.354
- Cổ phiếu phổ thông	34.896.354	34.896.354
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC riêng giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

21. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 03 (ba) bộ phận hoạt động: bộ phận kinh doanh thương mại; bộ phận cung cấp dịch vụ và bộ phận kinh doanh bất động sản.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí phi tiền tệ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2022 như sau:

	Hoạt động thương mại	Hoạt động cung cấp dịch vụ	Hoạt động KD bất động sản	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Kỳ này				
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	24.346.441.179	29.690.935.212	2.082.454.609	56.119.831.000
Tổng doanh thu	24.346.441.179	29.690.935.212	2.082.454.609	56.119.831.000
Chi phí phân bổ	26.342.122.911	49.129.107.486	1.968.268.007	77.439.498.404
- Giá vốn hàng bán	23.235.981.317	45.341.110.376	1.702.586.513	70.279.678.206
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.106.141.594	3.787.997.110	265.681.494	7.159.820.198
Kết quả kinh doanh bộ phận	(1.995.681.732)	(19.438.172.274)	114.186.602	(21.319.667.404)
Doanh thu hoạt động tài chính				29.610.188
Chi phí tài chính				3.894.564.240
Lợi nhuận (lỗ) khác				(2.278.343.100)
Lợi nhuận trước thuế TNDN				(27.462.964.556)
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	-	116.516.546	-	116.516.546
Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	8.797.481.246	10.728.691.055	752.485.968	20.278.658.269
Số dư tại ngày 30/06/2022				
Tài sản bộ phận	697.889.600	311.983.781.128	1.930.985.613	314.612.656.341
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-
Tổng tài sản	697.889.600	311.983.781.128	1.930.985.613	314.612.656.341
Nợ phải trả bộ phận	-	121.557.984.058	-	121.557.984.058
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả	-	121.557.984.058	-	121.557.984.058

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC riêng giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

21. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý (Tiếp theo)

Bộ phận theo khu vực địa lý

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong môi trường kinh tế khác.

Công ty có trụ sở đặt tại số 368 đường Lý Bôn, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình, đồng thời toàn bộ doanh thu và tài sản của Công ty cũng đều phát sinh tại tỉnh Thái Bình. Do đó, Công ty không phải lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	56.119.831.000	52.364.577.835
<u>Trong đó:</u>		
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	29.690.935.212	39.443.584.337
- Doanh thu bán hàng hóa	24.346.441.179	9.679.049.806
- Doanh thu kinh doanh bất động sản	2.082.454.609	2.973.706.035
- Doanh thu khác	-	268.237.657
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	56.119.831.000	52.364.577.835

2. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	45.341.110.376	53.200.833.520
Giá vốn hàng hóa đã bán	23.235.981.317	9.110.275.103
Giá vốn bất động sản	1.702.586.513	1.884.628.552
Giá vốn khác	-	268.237.657
Cộng	70.279.678.206	64.463.974.832

3. Chi phí tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí lãi vay	3.651.339.249	4.865.653.624
Dự phòng tổn thất đầu tư	243.224.991	470.282.115
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	15.041
Cộng	3.894.564.240	5.335.950.780

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC riêng giữa niên độ kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân công	2.374.091.340	2.939.692.419
Chi phí công cụ dụng cụ	1.106.507.944	1.402.334.876
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.010.081.700	2.540.616.983
Thuế, phí và lệ phí	258.113.318	43.298.253
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.210.094.749	1.307.186.614
Chi phí bằng tiền khác	200.931.147	642.245.194
Cộng	7.159.820.198	8.875.374.339

5. Chi phí khác

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lỗ do thanh lý tài sản cố định	1.562.459.604	3.197.248.233
Các khoản phạt chậm nộp, truy thu thuế	766.680.474	16.890.081
Chi phí khác	129.409	33.690
Cộng	2.329.269.487	3.214.172.004

6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(27.462.964.556)	(29.512.931.564)
Các khoản điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	4.669.566.597	7.205.371.321
Cộng: Chi phí không được trừ	4.669.566.597	7.205.371.321
+ Các khoản phạt	766.680.474	16.890.081
+ Chi phí khấu hao xe dùng hoạt động	-	1.923.672.826
+ Chi phí lãi vay giao dịch liên kết	3.621.729.061	4.853.712.184
+ Chi phí không được trừ khác	281.157.062	411.096.230
Tổng thu nhập tính thuế TNDN	(22.793.397.959)	(22.307.560.243)
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Thu nhập tính thuế TNDN	(22.793.397.959)	(22.307.560.243)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

7. Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022 vì theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán số 30 - Lãi cơ bản trên cổ phiếu, trường hợp Công ty phải lập cả báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ trình bày thông tin về lãi cơ bản trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC riêng giữa niên độ kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	15.257.898.409	26.296.533.579
Chi phí nhân công	16.632.204.280	16.895.267.421
Chi phí khấu hao tài sản cố định	15.516.359.043	17.320.049.964
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.928.633.781	1.139.872.440
Chi phí khác bằng tiền	868.421.574	2.309.113.007
Cộng	54.203.517.087	63.960.836.411

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH MTV Bến xe khách phía Tây Thái Bình	Công ty Con
Công ty Cổ phần Thương mại Thái Bình Xanh	Ông Lưu Huy Hoàng - con trai ông Lưu Huy Hà là cổ đông lớn của Thái Bình Xanh
Công ty Cổ Phần Hoàng Tân	Ông Lưu Huy Hoàng - con trai ông Lưu Huy Hà là đại diện pháp luật của Hoàng Tân
Ông Lưu Huy Hà	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Hữu Hoan	Tổng Giám đốc
Ông Lưu Tuấn Anh	Thành viên HĐQT
Các thành viên khác trong HĐQT và Ban Tổng Giám đốc Công ty	

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu bán hàng	90.909.090	861.818.180
Công ty Cổ phần Thương mại Thái Bình Xanh	-	43.636.364
Công ty Cổ Phần Hoàng Tân	90.909.090	818.181.816
Mua hàng	5.068.135.644	10.767.934.395
Công ty Cổ phần Thương mại Thái Bình Xanh	5.068.135.644	10.474.801.395
Công ty Cổ Phần Hoàng Tân	-	293.133.000
Đi vay	28.700.000.000	-
Công ty TNHH MTV Bến xe Khách phía Tây Thái Bình	25.000.000.000	-
Ông Lưu Tuấn Anh	3.700.000.000	-
Trà gốc vay	-	20.000.000.000
Công ty TNHH MTV Bến xe Khách phía Tây Thái Bình	-	20.000.000.000
Chi phí lãi vay	29.124.712	12.111.111
Công ty TNHH MTV Bến xe Khách phía Tây Thái Bình	18.867.178	12.111.111
Ông Lưu Tuấn Anh	10.257.534	-
Thu hồi đầu tư vốn góp	-	20.000.000.000
Công ty TNHH MTV Bến xe khách phía Tây Thái Bình	-	20.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC riêng giữa niên độ kèm theo

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	1.366.655.413	1.219.561.413
Công ty Cổ Phần Hoàng Tân	835.804.413	688.710.413
Công ty Cổ phần Thương mại Thái Bình Xanh	48.000.000	48.000.000
Công ty TNHH MTV Bến xe khách phía Tây Thái Bình	482.851.000	482.851.000
Phải trả người bán ngắn hạn	666.570.171	1.724.347.754
Công ty Cổ phần Thương mại Thái Bình Xanh	666.570.171	1.595.141.754
Công ty Cổ Phần Hoàng Tân	-	129.206.000
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	28.700.000.000	-
Công ty TNHH MTV Bến xe khách phía Tây Thái Bình	25.000.000.000	-
Ông Lưu Tuấn Anh	3.700.000.000	-
Phải trả ngắn hạn khác	4.079.751.414	4.050.626.702
Công ty TNHH MTV Bến xe khách phía Tây Thái Bình	4.069.493.880	4.050.626.702
Ông Lưu Tuấn Anh	10.257.534	-

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong kỳ:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Ông Lưu Huy Hà - Chủ tịch HĐQT	69.758.000	60.721.907
Ông Nguyễn Hữu Hoan - Tổng Giám đốc	73.702.000	58.501.148
Ông Đinh Văn Thọ - Phó Tổng Giám đốc	65.456.000	49.412.593
Ông Lưu Tuấn Anh - Thành viên HĐQT	35.640.000	30.889.911
Cộng	244.556.000	199.525.559

2. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ

Số tiền đi vay thực thu trong kỳ:

- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường: 43.089.047.564 đồng.


Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ:

- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường: 18.598.169.311 đồng.


- Tiền trả nợ gốc thuê tài chính: 9.124.630.741 đồng.

3. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 30 tháng 06 năm 2022 đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022.


Nghiêm Thị Hiếu
Người lập

Thái Bình, ngày 18 tháng 08 năm 2022


Phạm Thị Loan
Kế toán trưởng




Nguyễn Hữu Hoan
Tổng Giám đốc